**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN ĐỊA LÝ – KHỐI 11**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT |  | Nội dung | **Yêu cầu cần đạt** |  |  |  |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | **TNKQ đúng – sai** | **TNKQ trả lời ngắn** | **Tự luận** | **Tổng** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| 1 | **Liên bang Nga** | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | **Nhận biết**- Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội– Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế.**Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. **Vận dụng**– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu, tháp tuổi.– Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| – Dân cư, xã hội | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |
| – Kinh tế | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| – Công nghiệp khai thác dầu khí |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nhật Bản** | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | **Nhận biết**- Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội- Trình bày được sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế**Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.**Vận dụng** – Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; so sánh các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật – Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại. | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |
| – Dân cư, xã hội |  | 2 |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 4 |  |
| – Kinh tế | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1(a\*) |  | 1(b\*) | 3 |  | 2 |
| – Hoạt động kinh tế đối ngoại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)** | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | **Nhận biết**- Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội.- Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế của Trung Quốc.**Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội.– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.– Trình bày được vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; **Vận dụng** – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.- Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.– Trình bày được những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải. | 1 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 |  |
| – Dân cư, xã hội | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 1 |
| – Kinh tế | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 1(a\*) | 1(b\*) | 1 | 1 | 3 |
| – Sự thay đổi của nền kinh tế |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu** |  | **10** | **4** | **2** | **4** | **4** | **1** | **1** | **2** | **13** | **7** | **8** |
| **Tổng số điểm** |  | **4** | **1** | **1** | **1** | **1,5** | **1,5** | **4** | **3** | **3** |
| **Tỉ lệ** |  | **40%** | **10%** | **10%** | **10%** | **15%** | **15%** | **40%** | **30%** | **30%** |